

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-02-2022

Vv: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thu Hiền

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Sỹ Quân

Ông Bùi Văn Hồng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:*
Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa Hôn nhân gia đình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2021/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phiên tòa dân sự sơ thẩm số: 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 1 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lê Thị N; Sinh năm: 1979; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: thôn S, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; Hiện đang lao động tại Đài Loan (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Phan Văn A; Sinh năm: 1978; Nơi ĐKKHKT: thôn S, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị N và anh Phan Văn A đăng ký kết hôn ngày 28/01/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Cương Gián, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được khoảng một tháng thì anh Phan Văn A phải trở về đơn vị để tiếp tục công việc. Quá trình sinh sống vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Nhưng sau khi chị Lê Thị N sinh con anh Phan Văn A không

công nhận đó là con chung nên từ đó chị N và anh A sống ly thân. Sau đó chị Lê Thị N đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, từ đó vợ chồng không còn gặp nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng chỉ tồn tại trên danh nghĩa nên chị Lê Thị N đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Phan Văn A.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có một con chung tên là Phan Xuân Đàn, sinh ngày 12/9/2002, nhưng anh Phan Văn A không công nhận đây là con chung mà cho rằng đây là con riêng của chị N, hiện con đã trưởng thành nên chị Lê Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị Lê Thị N yêu cầu được xét xử vắng mặt và ủy quyền việc giao nhận các tài liệu, chứng cứ cho bố đẻ là ông Lê Văn Cải, địa chỉ: thôn S, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh.

Quá trình làm việc người được ủy quyền giao nhận tài liệu chứng cứ ông Lê Văn Cải chấp nhận việc nhận ủy quyền của chị Lê Thị N.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh Phan Văn A không có mặt tại địa phương và không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị N. Xử cho chị Lê Thị N được ly hôn với anh Phan Văn A; về con chung: Tại thời điểm giải quyết cháu Phan Xuân Đàn đã trưởng thành, chị Lê Thị N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự và đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị N đã xuất nhập cảnh nhiều lần, lần gần đây nhất xuất cảnh ngày 17/4/2019 qua cửa khẩu Sân bay quốc tế Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 29, 37, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời do điều kiện công việc nên Chị Nhung yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình xét xử và ủy quyền việc giao nhận tài liệu chứng cứ cho ông Lê Văn Cải. Căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng

dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt chị Lê Thị N theo thủ tục chung.

[1.2] Thông qua chính quyền địa phương, Tại biên bản xác minh các ngày 24/8/2021 và ngày 15/9/2021 ông Chu Ngọc Quế, cán bộ tư pháp xã Cương Gián, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh cho biết anh Phan Văn A có hộ khẩu thường trú tại xã Cương Gián, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Tại thời điểm xác minh anh Phan Văn A không có mặt tại địa phương, được biết thỉnh thoảng anh Phan Văn A có về thăm mẹ là bà Nguyễn Thị Ngọc. Tuy nhiên, hiện nay anh Phan Văn A đang ở đâu, địa chỉ cụ thể như thế nào thì UBND xã không được biết. Anh Phan Văn A không có thủ tục khai báo tạm vắng và vẫn có HKTT tại xã Cương Gián, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Quá trình Tòa án tiến hành xác minh thông tin về anh Phan Văn A, tuy nhiên tại thời điểm xác minh anh Phan Văn A và bà Nguyễn Thị Ngọc đều không có mặt tại địa phương. **Tòa án đã liên lạc với bà Nguyễn Thị Ngọc Nhưng bà Ngọc không hợp tác.**

[1.3] Về việc vắng mặt bị đơn:

Tòa án đã tiến hành xác minh sự có mặt, vắng mặt của bị đơn tại nơi cư trú và đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc giao văn bản tố tụng cho bị đơn và niêm yết các văn bản theo quy định tại Điều 175, Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên đây là lần mở phiên tòa thứ hai nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Phan Văn A đã tuân thủ các điều kiện kết hôn và hai người đã đăng ký kết hôn vào ngày 28/01/2002 tại UBND xã Cương Gián, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định về điều kiện kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân giữa chị Nhung và anh Anh là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do sau khi chị Nhung sinh con anh Phan Văn A không công nhận đây là con chung nên từ đó anh chị sống ly thân. Theo chị Nhung thì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hai người không còn sống chung với nhau từ lâu, vợ chồng không còn tình cảm, không còn yêu thương nhau nên yêu cầu tòa án giải quyết được ly hôn.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc, vợ chồng phải tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Tuy nhiên xét thấy hôn nhân giữa chị Nhung và anh Anh không đạt được mục đích đó và mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Căn cứ quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 thì “Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải

quyết việc ly hôn”. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị N và anh Phan Văn A để mỗi người sớm ổn định cuộc sống.

[2.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có con chung tên là Phan Xuân Đàn, sinh ngày: 12/9/2002. Tuy nhiên, tại thời điểm giải quyết vụ án cháu đã trên 18 tuổi và chị Lê Thị N không yêu cầu giải quyết nên tòa án không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu, tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, 37, 227, 238, 469, 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 51, 57, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị N ly hôn anh Phan Văn A.

2. Về con chung: Con chung là Phan Xuân Đàn, sinh ngày: 12/9/2002 đã trưởng thành và chị Lê Thị N không yêu cầu giải quyết nên tòa án không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

4. Về án phí : Áp dụng Điều 147, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 buộc chị Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm (đã nộp theo biên lai số 0000204 ngày 12/7/2021 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh)

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THSDS tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Cương Gián, huyện Nghi Xuân;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hiền

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án (hoặc ngày niêm yết công khai bản án theo quy định pháp luật).

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Hồng Phạm Thành

Nguyễn Thị Bích Đào